

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02197**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Phương pháp thí nghiệm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160214	Trần Duy	Bảo	04/05/2009			7	9.0				9.3		8.9
2	2456201160215	Lê Hoàng	Bình	15/10/2009			9	9.0				9.3		9.2
3	2456201160216	La Thị Ngọc	Diệp	17/12/2009			9	10.0				6.8		7.9
4	2456201160217	Bùi Thanh	Duy	06/08/2006			10	10.0				9.3		9.6
5	2456201160218	Tô Hùng	Duy	21/04/2008			6	9.0				9.3		8.8
6	2456201160219	Trương Thanh	Duy	19/09/1999			10	10.0				9.3		9.6
7	2456201160220	Nguyễn Thái Tiến	Đạt	05/05/2008			4	9.0				9.3		8.5
8	2456201160221	Võ Trần Duy	Đô	23/12/2006			10	10.0				9.3		9.6
9	2456201160222	Hoa Quốc	Hào	19/12/2009			9	9.0				8.8		8.9
10	2456201160223	Hồ Đăng	Hùng	31/07/2009			7	9.0				6.3		7.1
11	2456201160224	Đồng Hiểu	Khang	03/11/2009			5	9.0				6.3		6.8
12	2456201160225	Nguyễn Quốc	Khanh	02/08/2006			0	0.0				0.0	0.0	0.0
13	2456201160226	Nguyễn Chí	Khiết	12/07/2006			10	10.0				9.3		9.6
14	2456201160227	Lâm Tuấn	Kiệt	09/02/2006			10	10.0				8.3		9.0
15	2456201160228	Trương Ngọc	Lễ	09/11/2009			8	9.0				7.3		7.8
16	2456201160229	Trần Phước	Lĩnh	20/12/2009			5	5.0				7.3		6.4
17	2456201160230	Ngô Phước	Lộc	11/01/2005			9	10.0				8.3		8.8
18	2456201160231	Nguyễn Quang	Minh	25/10/2009			9	4.0				5.3		5.4
19	2456201160232	Lâm Thị Mỹ	Ngân	07/12/2007			8	9.0				9.3		9.0
20	2456201160233	Nguyễn Phạm Kim	Nguyên	08/01/2009			8	9.0				9.3		9.0
21	2456201160234	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	29/06/2009			8	9.0				9.3		9.0
22	2456201160235	Lê Thị Huyền	Nhi	03/10/2004			7	10.0				9.3		9.2
23	2456201160236	Nguyễn Trọng	Phúc	28/08/2009			7	9.0				8.5		8.4
24	2456201160237	Phan Huỳnh Hữu	Phúc	01/12/2009			9	4.0				8.5		7.4
25	2456201160238	Đoàn Minh	Phước	26/09/2009			6	8.0				3.3		4.9
26	2456201160239	Nguyễn Gia	Phước	03/09/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
27	2456201160240	Lê Thị Thu	Quỳnh	27/01/2009			6	6.0				8.3		7.4
28	2456201160241	Đỗ Thanh	Sang	03/12/2008			6	9.0				7.5		7.7
29	2456201160242	Phạm Quang	Sử	04/07/2009			7	8.0				7.5		7.6
30	2456201160243	Đặng Thành	Tánh	30/12/2006			8	10.0				9.3		9.3
31	2456201160244	Trần Thiện	Tâm	25/01/2008			5	8.0				7.3		7.2
32	2456201160245	Đặng Chí	Thảo	29/04/2009			4	9.0				9.3		8.5
33	2456201160246	Nguyễn Trung	Thắng	31/07/2008			10	9.0				8.0		8.5
34	2456201160247	Nguyễn Chí	Thiện	26/08/2006			10	10.0				9.3		9.6
35	2456201160248	Nguyễn Phú	Thuận	12/05/2009			6	5.0				7.3		6.5
36	2456201160249	Nguyễn Minh	Thương	28/10/2009			10	10.0				9.3		9.6

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2456201160250	Phạm Thị Cẩm	Tiên	27/02/2009				10	9.0				9.3		9.3
38	2456201160251	Nguyễn Công	Vinh	07/01/2009				5	8.0				8.8		8.1

Châu Đốc, ngày 8 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Bích Thắm